

Số: **02/2024/QĐST-HNGĐ**

Quận Hai Bà Trưng, ngày 03 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số **818/2023/TLST-VHNGĐ** ngày 21/12/2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa các đương sự:

- Người yêu cầu: + Ông **Trần Hoàng L** - sinh năm 1972;

+ Bà **Trần Thị H** - sinh năm 1982;

Cùng HKTT: Số B phố B, phường B, quận H, thành phố Hà Nội; cùng nơi ở: Số F ngõ E phố K, phường V, quận H, thành phố Hà Nội;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Trần Hoàng L và bà Trần Thị H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/12/2010 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hòa hợp. Ông, bà chính thức ly thân từ năm 2020, không ai quan tâm đến ai. Nay cả hai cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, cùng thuận tình ly hôn.

Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về các nội dung: nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, giải quyết phân chia tài sản chung, công nợ chung và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 25/12/2023.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Hoàng L và bà Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số **178**, quyền số 01 ngày 20/12/2010 do UBND phường B, quận H, thành phố Hà Nội cấp cho ông Trần Hoàng L và bà Trần Thị H không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con: Xác nhận ông L và bà H có 01 con chung là cháu **Trần Nguyên B** - sinh ngày 11/02/2012 (Nam). Sau khi ly hôn, bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho bà H số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 12/2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự để ông L chịu toàn bộ lệ phí. Ông L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: **0003083** ngày 21/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đặng Hoàng Phương